UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8187 /QĐ-STP	*An Giang, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4692/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc bổ sung kinh phí thực hiện lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ cho Văn phòng Sở và Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang thuộc Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực XX;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KT, dtttrang.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH AN GIANG

Trịnh Tuấn Ngọc

Sở Tư pháp **Mẫu biểu số 47**

Chương: 414

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Tư pháp
Mã số: 1039585
Mã KBNN nơi giao dịch: 0811

(Kèm theo quyết định số 8187/QĐ-STP ngày 27/10/2026 của Sở Tư pháp)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**594.705.000**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)**	**363.654.000**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	341.311.000
	Thực hiện lương cơ sở theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*341.311.000*
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	22.343.000
	Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*22.343.000*
2	**Chi các hoạt động kinh tế (Loại 280 khoản 338)**	**231.051.000**
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	218.437.000
	Thực hiện lương cơ sở theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*218.437.000*
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.614.000
	Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*12.614.000*

Sở Tư pháp

Chương: 414

Mẫu biểu số 48

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số 8187/QĐ-STP ngày 27/10/2026 của Sở Tư pháp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Văn phòng Sở	Trung tâm TGPL nhà nước
A	B	1	2	
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**594.705.000**	**363.654.000**	**231.051.000**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)**	**363.654.000**	**363.654.000**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	341.311.000	341.311.000	
	Thực hiện lương cơ sở theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*341.311.000*	*341.311.000*	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	22.343.000	22.343.000	
	Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*22.343.000*	*22.343.000*	
2	**Chi các hoạt động kinh tế (Loại 280 khoản 338)**	**231.051.000**		**231.051.000**
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	218.437.000		218.437.000
	Thực hiện lương cơ sở theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*218.437.000*		*218.437.000*
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.614.000		12.614.000
	Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP	*12.614.000*		*12.614.000*
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		**1039585**	***1039583***
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		**0811**	**0811**